

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HƯNG
TỈNH LONG AN**

Bản án số: 03/2019/DS-ST

Ngày: 17/4/2019

V/v Tranh chấp “Hợp đồng vay”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG – TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Chánh.

2. Bà Nguyễn Thị Ánh Xuân.

-Thư ký phiên tòa: Ông Hà Năng Hiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Vào ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2018/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 03 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp 6B, xã Tr, X, huyện T, M, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1973.

Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp 5, xã V, B, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Người làm chứng:

Chị Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp 5, xã V, B huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Chị Lê Thị Kim D, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp 5, xã V, B, huyện Tân hưng, tỉnh Long An.

Chị Lý Thị H, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp 5, xã T, X, huyện T, M, tỉnh Đồng Tháp.

[Các đương sự có mặt tại phiên tòa]

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ng trình bày: Vào ngày 03/3/2017 anh Lê Văn T có hỏi vay của chị số tiền 85.000.000 đồng, anh T hứa trong thời gian 1 tháng sẽ trả lại số tiền trên cho chị, sau đó anh T không trả như lời đã hứa, chị có làm đơn tường trình sự việc đến UBND xã V, B, tại biên bản hòa giải ngày 30/3/2018 anh T thừa

nhận có vay chi số tiền 85.000.000 đồng nhưng hẹn mỗi tháng trả 5.000.000 đồng, chi đồng ý, đến hạn trả nhưng anh T không thực hiện đúng lời đã hứa, trong thời gian này anh T có nhờ chị Lý Thị H trả cho chị 2.000.000 đồng. Nay chị khởi kiện yêu cầu anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị Mỹ L (vợ anh T) có nghĩa vụ liên đới trả chi số tiền vay hiện còn nợ 83.000.000 đồng và lãi suất 1,125%/tháng; thời gian tính từ ngày vay 03/3/2017 đến ngày 17/4/2019 (làm tròn) là 25 tháng, thành tiền 23.343.000 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 106.343.000 đồng.

2. Bị đơn anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị Mỹ L trình bày: Không đồng ý với lời trình bày của chị Ng, mặc dù trong biên nhận anh T có nợ chị Ng số tiền 85.000.000 đồng nhưng thực tế anh T chỉ nợ chị Ng 40.000.000 đồng nhưng chị L đã trả cho chị Ng 2.000.000 đồng, chị L và anh T có nhờ chị Chưa trả cho chị Ng 2.000.000 đồng, nhờ chị D trả cho chị Ng 2.000.000 đồng và nhờ chị H trả cho chị Ng 2.000.000 đồng, tổng cộng anh, chị đã trả cho chị Ng số tiền 8.000.000 đồng. Như vậy anh, chị chỉ còn nợ chị Ng 32.000.000 đồng. Nay anh, chị đồng ý trả cho chị Ng 32.000.000 đồng và lãi suất thời gian tính từ ngày vay 03/3/2017 đến ngày xét xử, lãi suất tính theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

-Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, xác định quan hệ tranh chấp và tư cách tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định.

-Về nội dung vụ án: Việc chị Nguyễn Thị Ng khởi kiện yêu cầu anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị Mỹ L có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ vay 83.000.000 đồng và lãi suất 1,125%/tháng thời gian tính từ ngày vay 03/3/2017 đến ngày xét xử là có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị Ng với anh Lê Văn T, chị Nguyễn Thị Mỹ L là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" hiện tại anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị Mỹ L đang cư trú tại ấp 5, xã V, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Xét thấy:

[1] Hội đồng xét xử xét thấy việc chị Nguyễn Thị Ng khởi kiện yêu cầu anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị Mỹ L có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ vay 83.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 1,125%/tháng thời gian tính 03/3/2017 đến ngày 17/4/2019 làm tròn 25 tháng, thành tiền 23.343.000 đồng, tổng cộng nợ gốc và lãi là 106.343.000 đồng là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ anh T không thừa nhận có nợ chị Ng 85.000.000 đồng chỉ thừa nhận nợ 40.000.000 đồng và đã trả được 8.000.000 đồng, hiện chỉ còn nợ chị Ng 32.000.000 đồng. Chị Ng không thừa nhận việc anh T, chị L nợ chị 40.000.000 đồng và đã trả được 8.000.000 đồng. Chị Ng chỉ thừa nhận anh T

có nhờ chị H trả chị số tiền 2.000.000 đồng và chị đồng ý trừ 2.000.000 đồng, như vậy anh T, chị L còn nợ chị 83.000.000 đồng; anh T, chị L không có chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình, trong khi chị Ng có chứng cứ là giấy biên nhận nợ 85.000.000 đồng ghi ngày 03/3/2017 có chữ ký tên và ghi họ tên của anh T; anh T cũng thừa nhận là chữ ký và ghi họ tên trong tờ biên nhận là của mình, ngoài ra trong biên bản hòa giải ngày 30/3/2018 tại UBND xã V, B anh T thừa nhận có nợ chị Ng 85.000.000 đồng thỏa thuận trả dần hàng tháng mỗi tháng trả 5.000.000 đồng nhưng anh T không thực hiện lời hứa, đối với chị L vợ anh T mặc dù trong biên nhận nợ không có chữ ký của chị nhưng khi biết việc anh T nợ tiền của chị Ng chị trình bày có trả tiền cho chị Ng một lần 2.000.000 đồng và trong quá trình giải quyết vụ án chị cũng đồng ý liên đới cùng anh T trả khoản tiền nợ trên cho chị Ng nhưng không đồng ý với số tiền chị Ng khởi kiện, chỉ đồng ý trả 32.000.000 đồng và lãi suất 1,125%/tháng; ngoài ra anh T trình bày anh vay tiền của chị Ng về sử dụng chung cho gia đình, do đó cần buộc anh T và chị L có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Ng số tiền nợ vay 83.000.000 đồng và lãi suất theo yêu cầu khởi kiện của chị Ng 1,125%/tháng kể từ ngày vay là phù hợp.

Đối với việc chị Ng yêu cầu tính lãi suất 1,125% trong khi lãi suất pháp luật cho phép là 20%/năm được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự mặc dù Tòa án đã giải thích cho chị biết nhưng chị vẫn yêu cầu tính lãi suất 1,125%/tháng như vậy là có lợi cho bị đơn nên cần chấp nhận.

[2] Về án phí: Do yêu cầu của chị Ng được chấp nhận nên anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị Mỹ L phải liên đới chịu 5% án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của chị Ng được chấp nhận.

Chị Nguyễn Thị Ng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên .

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 34, 35, 39, 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các 463, 464, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 27 và 37 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ng đối với anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị Mỹ L.

Buộc anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị Mỹ L có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Ng số tiền 106.343.000 đồng (trong đó nợ gốc 83.000.000 đồng và lãi số tiền 23.343.000 đồng) lãi suất tính đến ngày 17/4/2019.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị Mỹ L phải liên đới chịu 5.317.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước (chưa nộp).

Chị Nguyễn Thị Ng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị Ng 2.627.000 đồng án phí theo biên lai thu số 008525 ngày 17/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THA DS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Văn Long